

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quy chế số 70/QĐ-HĐQT ngày 18/8/2022 của HĐQT Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV;

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-HĐQT ngày 30/6/2026 của HĐQT Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV về việc phê duyệt danh mục tài sản cố định thanh lý năm 2026;

Căn cứ Quy định số 2402/QĐ-V.NSCP ngày 8/11/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, về việc ban hành quy định thanh, xử lý tài sản cố định là máy móc thiết bị trong Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV;

Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-V.NSCP ngày 06/05/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV về việc phê duyệt danh mục tài sản cố định thanh lý năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-V.NSCP ngày 28/09/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn-TKV, về việc phê duyệt giá khởi điểm chào bán tài sản thanh lý năm 2026 của Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn- TKV;

Giám đốc Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn-TKV thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản chuyên nghiệp để thực hiện đấu giá thanh lý lô tài sản với tiêu chí lựa chọn như sau:

**1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:**

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn-TKV
- Địa chỉ: Thôn Trung Thượng, xã Nông Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**2. Tên tài sản vật tư, phế liệu:**

Tài sản thanh lý năm 2026 của Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn- TKV, gồm các thiết bị, máy móc và phương tiện vận tải.

**3. Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá: 1.696.489.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng)

**4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

(Theo thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

| STT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                         | MỨC TỐI ĐA         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                                  |                    |
| 1          | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.                                                                                                                                                                                                  | Đủ điều kiện       |
| 2          | Không Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.                                                                                                                                                                                            | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                            | <b>19,0</b>        |
| 1          | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                   | <b>10,0</b>        |
| 1.1        | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc.                                                                                                                                          | 5,0                |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện.                                                                                                                                                                                       | 5,0                |
| 2          | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                         | <b>5,0</b>         |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá).                                                                                      | 2,0                |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá).                                                                                                                                                      | 3,0                |
| 3          | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên. Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở tư pháp.</b> | <b>2,0</b>         |
| 4          | <b>Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến.</b>                                                                                                                         | <b>1,0</b>         |
| 5          | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                              | <b>1,0</b>         |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                     | <b>16,0</b>        |
| 1          | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao.</b>                                                                                                                                                              | <b>4,0</b>         |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0                |
| 1.2        | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0                |
| 2          | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (Địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ).</b>                                                                                                                         | <b>4,0</b>         |

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | MỨC TỐI ĐA  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 3   | <b>Phương án đấu giá đề được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>4,0</b>  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0         |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0         |
| 4   | <b>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả, chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>4,0</b>  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>57,0</b> |
| 1   | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>15,0</b> |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 12,0        |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 13,0        |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 14,0        |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 15,0        |
| 2   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>7,0</b>  |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4,0         |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0         |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6,0         |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7,0         |
| 3   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                   | <b>7,0</b>  |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (Bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0         |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,0         |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6,0         |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7,0         |
| 4   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Đơn vị có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Đơn vị có tài sản đấu giá chấm điểm theo cách thức sau: Trường hợp kết quả điểm số là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | <b>3,0</b>  |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3,0         |

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | MỨC TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |
| 5   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7,0        |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0        |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0        |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6,0        |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7,0        |
| 6   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0        |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0        |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0        |
| 7   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0        |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2,0        |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0        |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0        |
| 8   | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0        |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0        |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0        |

| STT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | MỨC TỐI ĐA |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 9    | <i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i><br><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>             | 5,0        |
| 9.1  | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,0        |
| 9.2  | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4,0        |
| 9.3  | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5,0        |
| V    | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8,0        |
| 1.   | Trong năm 2025, đã tổ chức đấu giá thành công tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0        |
| 1.1  | <i>Dưới 30 cuộc đấu giá bao gồm không có cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0,5        |
| 1.2  | <i>Từ 30 cuộc đấu giá đến dưới 50 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1,0        |
| 1.3  | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành công trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0        |
| 2.   | Trong năm 2026, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã tổ chức đấu giá thành công ít nhất 03 tài sản thanh lý có tỷ lệ chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm cao nhất so với các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tham dự chào giá, được xác định theo công thức sau:<br>$Tỉ\ lệ = \frac{(giá\ trúng - giá\ khởi\ điểm) * 100}{giá\ khởi\ điểm}$ <b>Tài liệu chứng minh:</b> Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp bản photocopy Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và Biên bản đấu giá tài sản để chứng minh đáp ứng tiêu chí nêu trên. | 3,0        |
| 3.   | Đấu giá viên có kinh nghiệm lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3,0        |
| 3.1  | Có tối thiểu 4 Đấu giá viên có kinh nghiệm hành nghề từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0        |
| 3.2. | Có ít hơn 4 Đấu giá viên có kinh nghiệm hành nghề từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,0        |
|      | <b>Tổng số điểm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>100</b> |

### 5. Cách thức lựa chọn tổ chức đấu giá

Việc đánh giá chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, vật tư, phế liệu được thực hiện theo hướng dẫn tại Chương V và Phụ lục I của Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

### 6. Hồ sơ nộp tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá

- Văn bản đề nghị đăng ký tham gia tổ chức đấu giá;
- Các giấy tờ, hồ sơ pháp lý chứng minh đáp ứng các tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ghi tại mục 4 Thông báo này;
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ bản chính, đóng quyển, được để trong phong bì dán kín, dấu niêm phong của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gửi về địa chỉ văn phòng Công ty cổ

phần Than-Điện Nông Sơn-TKV như tại mục 7 (Nhà thầu có thể gửi 01 bộ hồ sơ điện tử gửi về địa chỉ Email: [Nongson@vinacominpowers.vn](mailto:Nongson@vinacominpowers.vn)/ [phongkhnongson@gmail.com](mailto:phongkhnongson@gmail.com), tuy nhiên phải nộp bản cứng trong khoản thời gian quy định)

### **7. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Thời hạn nộp hồ sơ: Trong vòng 7 ngày kể từ ngày đăng thông báo trên cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản. Trong giờ hành chính từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.

- Địa điểm nộp hồ sơ:

+ Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV (Người trực tiếp đến nộp hồ sơ phải mang thêm giấy giới thiệu và bản photo Căn cước/CCCD hoặc hộ chiếu).

+ Địa chỉ: Thôn Trung Thượng, xã Nông Sơn, thành phố Đà Nẵng

+ Số điện thoại liên hệ: 0985 247 637, Ông Lê Xuân Na – Phó phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn –TKV.

\* Lưu ý: Đối với những đơn vị không được thông báo kết quả được hiểu là không được lựa chọn và không hoàn lại hồ sơ. Các đơn vị nộp hồ sơ không đúng thời gian quy định trên sẽ được coi là không hợp lệ. Trường hợp chỉ có 01 đơn vị nộp hồ sơ hợp lệ, đơn vị có tài sản sẽ xem xét hồ sơ đáp ứng với các yêu cầu đối với tài sản bán đấu giá để đưa ra kết quả lựa chọn.

Thông báo này được đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản <http://dgts.moj.gov.vn>. Trang thông tin điện tử của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam <http://vinacom.vn/vi> và trang thông tin điện tử của Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP <http://dienluctkv.vn>.

Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn-TKV thông báo cho các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp biết và đăng ký.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Cổng Đấu giá tài sản Quốc gia;
- Website:<http://vinacom.vn/vi> (để đăng tải);
- Website:<http://dienluctkv.vn> (để đăng tải);
- Các tổ chức Đấu giá;
- Lưu VT, KĐV, LXNa (4).



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Hữu Thắng**